

GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA
SỐ 145/2025/QH15

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 vừa được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ X, ngày 11/12/2025 với 436/436, đạt tỷ lệ 100% Đại biểu Quốc hội có mặt tham gia biểu quyết. Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 đã thay đổi căn bản, toàn diện so với Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13, đáp ứng yêu cầu tại Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, trong đó đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp: “*Mở rộng phạm vi và tăng cường năng lực, nâng cao vai trò của dự trữ quốc gia, không chỉ phục vụ mục tiêu cứu trợ trong tình huống khẩn cấp mà thực sự trở thành dự trữ chiến lược, là công cụ phục vụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật của thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa*” và Thông báo số 342-TB/VPTW ngày 18/9/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về thông báo Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với các cơ quan về dự trữ quốc gia, trong đó đã yêu cầu: “*Trước bối cảnh tình hình thế giới và khu vực dự báo tiếp tục có những biến động phức tạp, đặt ra yêu cầu cấp bách phải tăng cường dự trữ quốc gia, dự trữ ngoại hối như một trụ cột quan trọng của an ninh quốc gia, an ninh kinh tế và phát triển bền vững*”.

Mặt khác, Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 cũng đã khắc phục một số vướng mắc trong thực tế triển khai Luật Dự trữ quốc gia năm 2012; thực hiện chủ trương về tăng cường phân quyền, phân cấp; phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bảo đảm thống nhất với các luật đã được Quốc hội thông qua trong thời gian qua.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Việc ban hành Luật Dự trữ quốc gia bảo đảm thống nhất với việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước và các luật khác có liên quan, bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

2. Quan điểm

- Thể chế hóa các Nghị quyết của Đảng, kết luận của Bộ Chính trị, kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về dự trữ quốc gia.
- Thực hiện phân quyền, phân cấp triệt để trong hoạt động quản lý dự trữ quốc gia; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động dự trữ quốc gia.
- Khắc phục một số tồn tại, vướng mắc trong hoạt động dự trữ quốc gia.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT

Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 gồm 06 Chương, 36 Điều (*giảm 30/66 Điều so với Luật DTQG 2012*), trong đó sửa đổi 31 điều và bổ sung 03 điều về dự trữ chiến lược, 01 điều khoản chuyển tiếp, 01 điều khoản sửa đổi Luật NSNN và Luật phòng thủ dân sự. Nội dung chính của Luật cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung, gồm 13 Điều.
- Chương II: Ngân sách Nhà nước chi cho dự trữ quốc gia, gồm 04 Điều.
- Chương III: Kho Dự trữ quốc gia, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, gồm 04 Điều.
- Chương IV: Quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia, 3 mục và 09 Điều:
 - + Mục 1. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia (04 Điều);
 - + Mục 2. Bảo quản hàng dự trữ quốc gia (03 Điều);
 - + Mục 3. Sử dụng hàng dự trữ quốc gia (02 Điều).
- Chương V. Quản lý, sử dụng hàng dự trữ chiến lược, gồm 03 Điều.
- Chương VI. Điều khoản thi hành, gồm 03 Điều.

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Về mục tiêu DTQG

So sánh với mục tiêu truyền thống của DTQG đã được quy định tại Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 và Luật số 56/2024/QH15 là đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách về phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh; phục vụ quốc phòng, an ninh; hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước, Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 đã mở rộng mục tiêu dự trữ quốc gia gồm:

(i) Chủ động đáp ứng yêu cầu bảo đảm an sinh xã hội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ hoạt động của Đảng và Nhà nước.

(ii) Huy động, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế để thực hiện tự chủ chiến lược quốc gia.

(iii) Là công cụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu DTQG đã được kế thừa từ Luật số 22/2012/QH12 và Luật số 56/2024/QH15 và có sửa đổi, bổ sung bảo đảm bao quát các hoạt động DTQG đã thực hiện thời gian qua nhưng chưa được quy định như: xuất cấp hàng DTQG đảm bảo an sinh xã hội liên quan đến chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, chính sách cho trẻ em, nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; nhập, xuất hàng DTQG để đảm bảo ổn định, phát triển kinh tế trong tình huống giá cả tăng, giảm đột biến. Kịp thời cụ thể hóa Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; Thông báo số 342-TB/VPTW ngày 18/9/2025 về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với các cơ quan về dự trữ quốc gia và dự trữ ngoại hối.

Những thay đổi về mục tiêu của DTQG sẽ tác động rất lớn, toàn diện đến hoạt động của ngành Dự trữ nhà nước trong những năm tới, theo đó ngành dự trữ quốc gia sẽ mở rộng phạm vi, tăng cường năng lực, thay đổi phương thức hoạt động, nâng cao vai trò của DTQG tiến tới thực hiện mục tiêu tự chủ chiến lược quốc gia.

2. Về chế độ, chính sách đối với người làm công tác dự trữ quốc gia

Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 đã giữ và tiếp tục quy định về chế độ, chính sách đối với người làm công tác dự trữ quốc gia:

(i) Người làm công tác dự trữ quốc gia bao gồm: Công chức, viên chức làm việc tại cơ quan quản lý dự trữ quốc gia; Công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp làm công tác dự trữ quốc gia tại Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(ii) Người làm công tác dự trữ quốc gia theo quy định được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp ưu đãi theo quy định.

Việc giữ và tiếp tục quy định về chế độ, chính sách đối với người làm công tác dự trữ quốc gia đảm bảo thực hiện ổn định chính sách đã thực hiện trong hơn 12 năm qua, tạo điều kiện gắn bó và yên tâm công tác cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ dự trữ quốc gia.

3. Về ngân sách nhà nước chi cho DTQG

Luật đã quy định những nội dung về chi cho DTQG gồm chi mua hàng (gồm cả hàng dự trữ quốc gia và hàng dự trữ chiến lược), chi nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng hóa, chi đầu tư công, chi hoạt động quản lý bộ máy đảm bảo thống nhất với quy định của Luật NSNN 2025. Bên cạnh đó, Luật đã quy định cụ thể có tính chất đặc thù của ngành dự trữ quốc gia như:

- Quy định được sử dụng dự phòng NSTW để mua bù, mua tăng hàng DTQG trong năm do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

- Cho phép các khoản dự toán chưa sử dụng hết trong năm, các khoản tạm ứng, khoản tiền bán hàng để mua hàng mới đều được chuyển nguồn đồng thời với việc chuyển kế hoạch hiện vật sang năm sau để thực hiện.

- Cho phép mua hàng mang tính thời vụ, luân phiên đổi hàng mua hàng mới trước khi xuất bán hàng cũ được tạm ứng NSNN và hoàn trả trong năm tài chính.

- Quy định Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định định mức chi phí nhập, chi phí xuất tại cửa kho và chi phí bảo quản hàng DTQG.

4. Về xã hội hóa dự trữ quốc gia

Luật đã bổ sung quy định đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp tham gia dự trữ chiến lược được ưu đãi về thuế, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước và các thành phần tham gia dự trữ chiến lược.

Đồng thời, Luật quy định việc mua, bán hàng dự trữ chiến lược có sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn ngoài ngân sách nhà nước thực hiện theo cơ chế thỏa thuận, tự nguyện, hợp đồng theo quy định của Chính phủ và quy định của pháp luật khác có liên quan; mua, bán hàng dự trữ chiến lược từ nguồn hợp pháp của đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp do đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp tự thực hiện, được Nhà nước hỗ trợ chi phí quản lý, bảo quản và các khoản hỗ trợ khác theo quy định của Chính phủ.

5. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

Luật không quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, cơ quan dự trữ chuyên trách; Không quy định về thanh tra, kiểm tra chuyên ngành sau khi tổ chức sắp xếp lại bộ máy thanh tra. Luật quy định khái quát chung về trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước của *Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đơn vị thực hiện dự trữ quốc gia*.

Luật quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia trong phạm vi cả nước; tổng hợp báo cáo Quốc hội về quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia của năm trước tại kỳ họp cuối năm. Với quy định này đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia của các cơ quan có liên quan.

6. Về hàng dự trữ quốc gia, danh mục hàng dự trữ quốc gia

Luật đã sửa đổi, bổ sung các tiêu chí xác định hàng dự trữ quốc gia phải đáp ứng để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay và phù hợp với định hướng của Đảng, Nhà nước.

Về thẩm quyền ban hành danh mục hàng dự trữ quốc gia, Luật thực hiện phân quyền, phân cấp triệt để theo hướng giao Chính phủ quy định danh mục hàng dự trữ và các bộ, ngành quy định chi tiết các mặt hàng dự trữ để bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ.

7. Về thẩm quyền quyết định nhập, xuất, mua bán

Luật đã phân quyền, phân cấp mạnh, triệt để và giao cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý hàng quyết định nhập, xuất hàng dự trữ.

Luật quy định đối với phương thức “mua, bán hàng dự trữ quốc gia trực tiếp rộng rãi mọi đối tượng; bán chỉ định”; mua, bán hàng DTQG do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý được thực hiện theo các quy định đặc thù trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Trên cơ sở đó, giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung, trình tự, thủ tục.

8. Về bảo quản hàng dự trữ quốc gia

Luật đã quy định thay đổi căn bản, bỏ yêu cầu hàng DTQG phải được cất giữ riêng để tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong bảo quản mặt hàng xăng dầu; thay đổi phương thức quản lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn sang chỉ quản lý về công tác bảo quản hàng hóa; đối với công tác quản lý chất lượng hàng hóa sẽ thực hiện theo pháp luật chuyên ngành về tiêu chuẩn, quy chuẩn.

9. Về kho dự trữ quốc gia, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Luật quy định về quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia trên cơ sở kế thừa Điều 58 Luật DTQG năm 2012 và không quy định quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia để bảo đảm thống nhất với Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15. Quy định về hệ thống kho DTQG và kho DTQG để làm cơ sở để đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng hiệu quả kho dự trữ quốc gia.

- Luật đã tích hợp quy định về yêu cầu và tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia (Điều 61 và Điều 62 Luật DTQG năm 2012) thành một quy định chung thống nhất (Điều 20 Luật).

- Luật đã bổ sung quy định về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực dự trữ quốc gia (Điều 21) để thể chế Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

10. Về dự trữ chiến lược

Để thể chế hóa Kết luận số 115-KL/TW và Thông báo số 342-TB/VPTW, Luật đã bổ sung quy định về “*Dự trữ chiến lược*” theo hướng chỉ quy định mang

tính nguyên tắc về: chính sách của nhà nước, yêu cầu về dự trữ chiến lược và dự trữ chiến lược trong điều tiết thị trường.

Luật cũng xác định các tiêu chí hàng dự trữ chiến lược phải đáp ứng, cùng với các tiêu chí được quy định tại Luật còn quy định các tiêu chí khác theo quy định của Chính phủ nhằm linh hoạt trong quản lý và điều hành hàng dự trữ chiến lược.

Luật quy định về danh mục hàng dự trữ chiến lược và phân công các bộ, ngành, địa phương quản lý hàng dự trữ chiến lược, quy định về nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, cất giữ hàng dự trữ chiến lược và giao Chính phủ quy định trong từng thời kỳ để bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế.

11. Về cải cách, đơn giản hóa thủ tục, cắt giảm thủ tục hành chính

Về cắt giảm thủ tục hành chính: Luật DTQG năm 2012 có 06 thủ tục hành chính. Luật DTQG năm 2025 không quy định thêm thủ tục hành chính và cắt giảm 02 thủ tục hành chính gồm: *(1) mua hàng DTQG theo phương thức đấu thầu và (2) bán hàng DTQG theo phương thức đấu giá vì những thủ tục này đã được quy định cụ thể trong Luật Đấu thầu, Luật Đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.*

Về cải cách, đơn giản hóa thủ tục: Luật DTQG năm 2025 phân cấp, phân quyền triệt để, đơn giản hóa và cắt giảm tối đa các thủ tục không cần thiết về kế hoạch 05 năm, danh mục hàng DTQG, tiêu chuẩn, quy chuẩn, cụ thể như sau:

- Bỏ thẩm quyền, thủ tục trình Quốc hội ban hành kế hoạch DTQG 05 năm;
- Bỏ thủ tục trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh danh mục hàng DTQG; quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho DTQG hằng năm.
- Bỏ **thẩm quyền của** Chính phủ ban hành danh mục chi tiết hàng DTQG.
- Bỏ thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ quyết định kế hoạch DTQG hằng năm; quyết định nhập, xuất hàng DTQG.
- Bỏ nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành tiêu chuẩn kho DTQG cho các bộ, ngành quản lý hàng DTQG.

12. Về phân quyền, phân cấp

Thế chế hóa các quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị về phân cấp, phân quyền tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội

ng nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 21-KL/TW ngày 24/1/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; đảm bảo đồng bộ, thống nhất về nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ, Luật đã phân cấp, phân quyền triệt để cho các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng DTQG, cụ thể:

a) Phân cấp, phân quyền của Ủy ban Thường vụ quốc hội cho Chính phủ thực hiện ban hành danh mục hàng DTQG.

b) Phân cấp, phân quyền của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định giao kế hoạch hàng DTQG hàng năm.

c) Phân cấp, phân quyền của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng DTQG quyết định nhập, xuất hàng DTQG.

d) Chuyển nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng DTQG thành việc ban hành quy định về bảo quản hàng dự trữ quốc gia; đối với định mức kinh tế - kỹ thuật nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG được phân công quản lý cho các Bộ, ngành.

13. Về điều khoản thi hành, điều khoản chuyển tiếp

Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

Riêng các nội dung quy định về dự trữ chiến lược tại Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027. Do dự trữ chiến lược là nội dung quy định mới của Luật, có phạm vi ảnh hưởng, tác động đến nhiều bộ, ngành, địa phương, các thành phần kinh tế khi tham gia thị trường nên cần có thời gian nghiên cứu, đánh giá tác động.

- Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 56/2024/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

- Luật quy định về điều khoản chuyển tiếp để xử lý những vấn đề đang thực hiện, áp dụng quy định tại Luật DTQG năm 2012 để tránh vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện.

IV. NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH

1. Về nguồn lực

Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 được thông qua, các cơ quan, tổ chức hiện hữu có trách nhiệm bảo đảm thực thi luật như hiện nay, không làm phát sinh thêm tổ chức, bộ máy, biên chế; trong từng thời kỳ và khả năng bố trí của ngân sách nhà nước, Nhà nước bố trí ngân sách để tổ chức thi hành Luật theo các mục tiêu đã được quy định tại Điều 2 của Luật.

2. Về điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự toán kinh phí thực hiện công tác dự trữ nhà nước triển khai thực hiện Luật (*tổ chức thi hành luật và thực hiện dự trữ nhà nước theo quy định*). Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết, xây dựng đề án, chiến lược dự trữ quốc gia; các bộ, ngành rà soát, ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật sau khi Luật này được thông qua và theo thời hạn có hiệu lực của Luật.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

- + Bộ Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Luật.

- + Được ưu tiên bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các quy định trong Luật này và có cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị, cá nhân, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lòng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm hiệu quả.

V. TRIỂN KHAI THI HÀNH

Để bảo đảm các quy định của Luật được triển khai hiệu quả, Bộ Tài chính đã và đang phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thi hành Luật.
2. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo các văn bản quy định chi tiết Luật.

Ngày 31/12/2025 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2835/QĐ-TTg về Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10. Trong đó, Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 có 04 văn bản quy định chi tiết với 03 Nghị định của Chính phủ gồm: (i) nghị định hướng dẫn về dự trữ quốc gia trình Chính phủ có hiệu lực thi hành từ 01/7/2026; (ii) nghị định hướng dẫn về dự trữ chiến lược và (iii) nghị định hướng dẫn về sử dụng dự trữ chiến lược để điều tiết thị trường trình chính phủ có hiệu lực thi hành từ 01/01/2027; Bộ trưởng Bộ Tài chính sẽ ban hành 01 Thông tư có hiệu lực thi hành từ 01/7/2026 về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dự trữ quốc gia.

3. Ngoài ra, Bộ trưởng Bộ Tài chính dự kiến ban hành một số Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 như:

- Với trách nhiệm là cơ quan quản lý Nhà nước về DTQG, Bộ Tài chính có trách nhiệm ban hành các Thông tư hướng dẫn: quy trình, trình tự, thủ tục nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ; kế hoạch và ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia; chế độ, chính sách đối với người làm công tác dự trữ quốc gia; các thông tư quy định hoạt động quản lý điều hành...

- Với trách nhiệm là Bộ được Chính phủ giao trực tiếp quản lý một số mặt hàng DTQG, Bộ Tài chính ban hành một số nội dung gồm: (1) danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia; (2) định mức chi phí nhập, chi phí xuất tại cửa kho và chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia; (3) quy định về bảo quản hàng dự trữ quốc gia; định mức kinh tế - kỹ thuật nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia được phân công quản lý.

4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật tới các cơ quan, cá nhân, tổ chức có liên quan./.

BỘ TÀI CHÍNH